

CTCP Đầu tư Hải Phát

Ngày 28/06/2024	6,050 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-	-	10.8%

DT thuần Q2/24
331
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 7.00 2.3%
YoY: ▼416 -55.6%

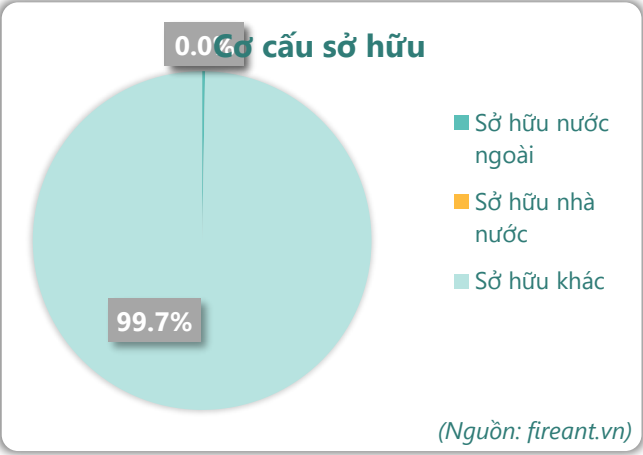
LN thuần Q2/24
38.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 19.1 99.9%
YoY: ▼60.5 -61.3%

LN sau thuế Q2/24
31.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 15.6 98.8%
YoY: ▼51.9 -62.3%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/24
22.1%
YoY: +/-▲ 5.9%

ROE (TTM) Q2/24
3.4%
YoY: +/-▼ 1.5%

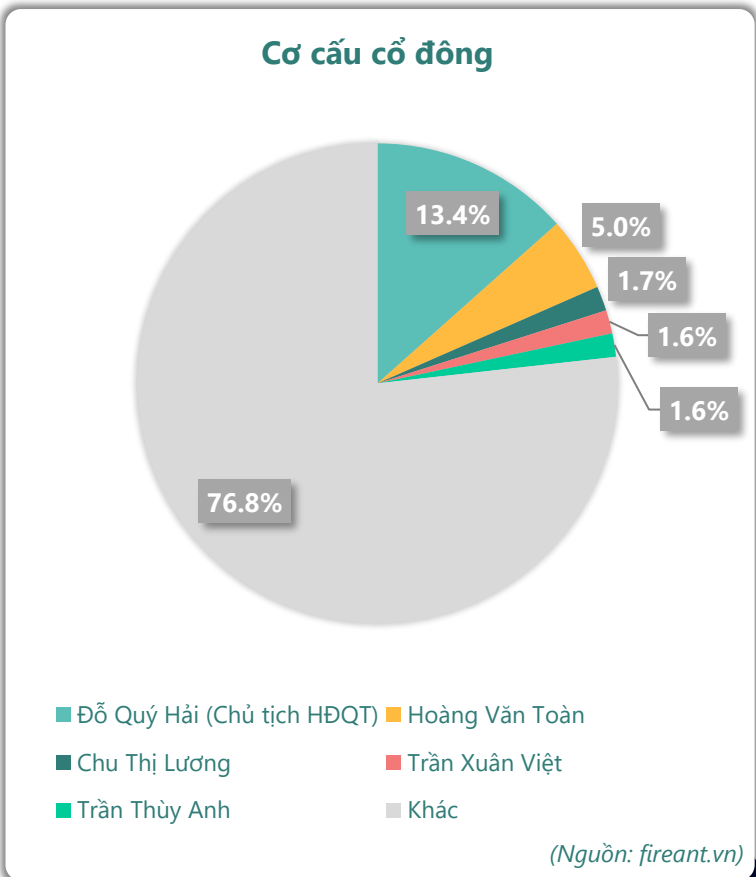
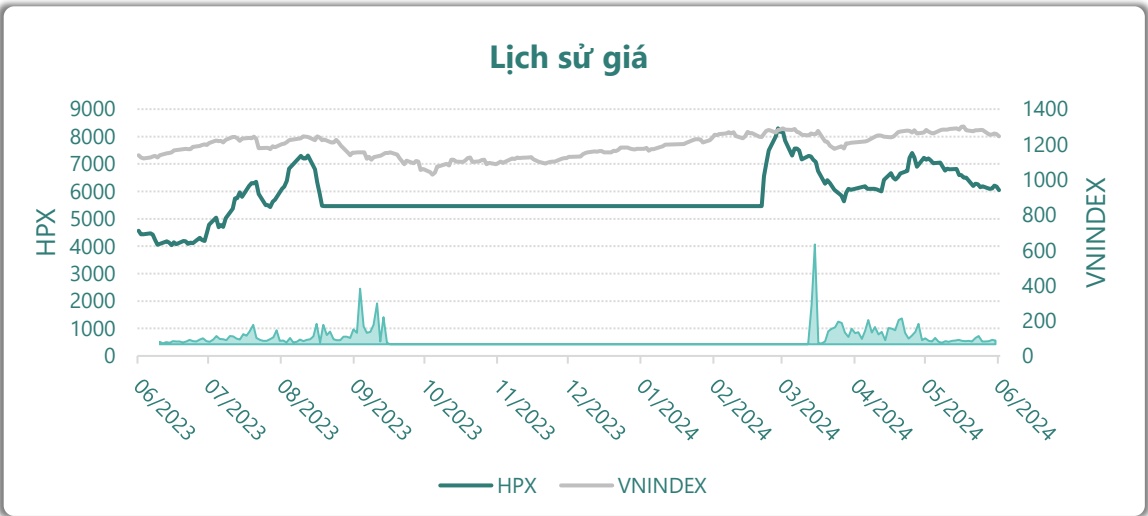
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	4,040 - 8,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,840
Số lượng CPLH (CP)	304,168,581
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,948,510
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	0.99
EPS	396
P/E	15.3



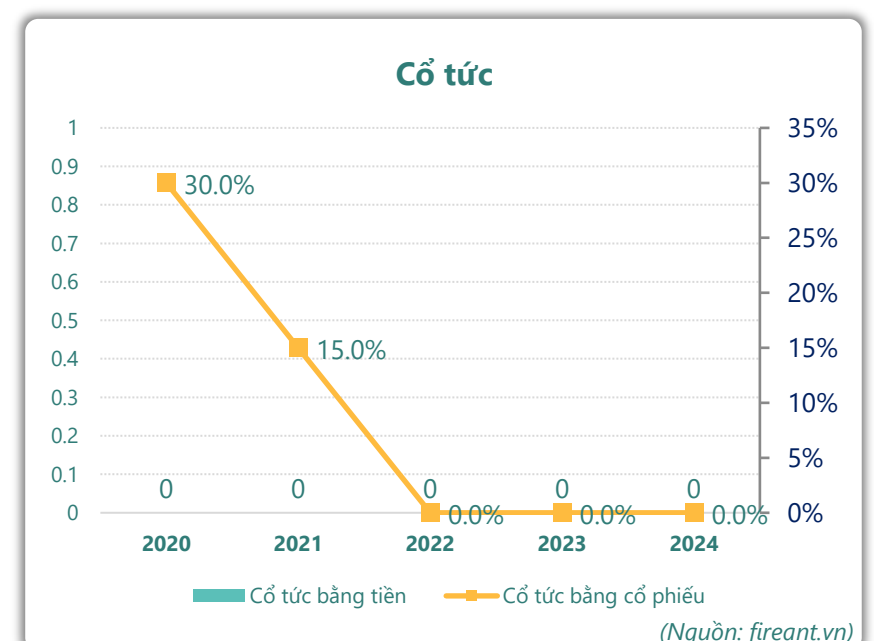
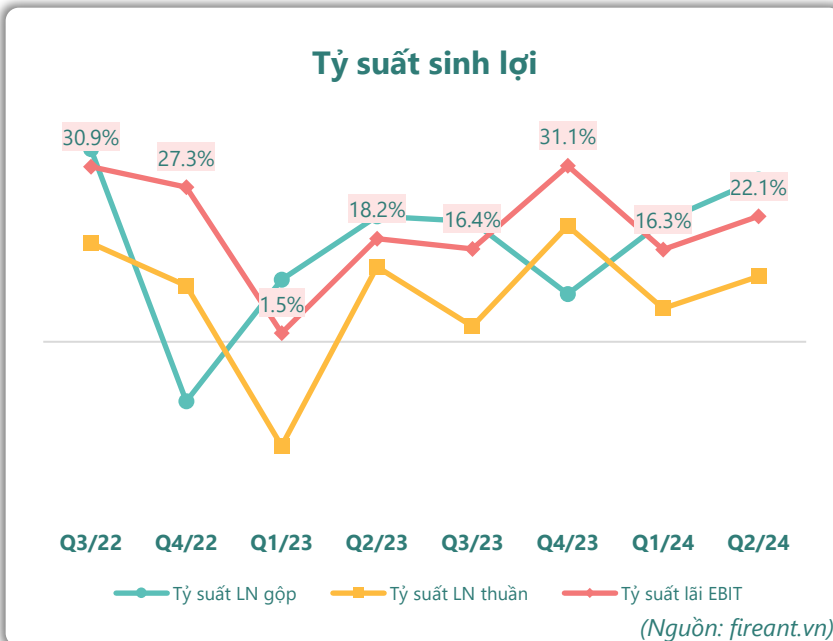
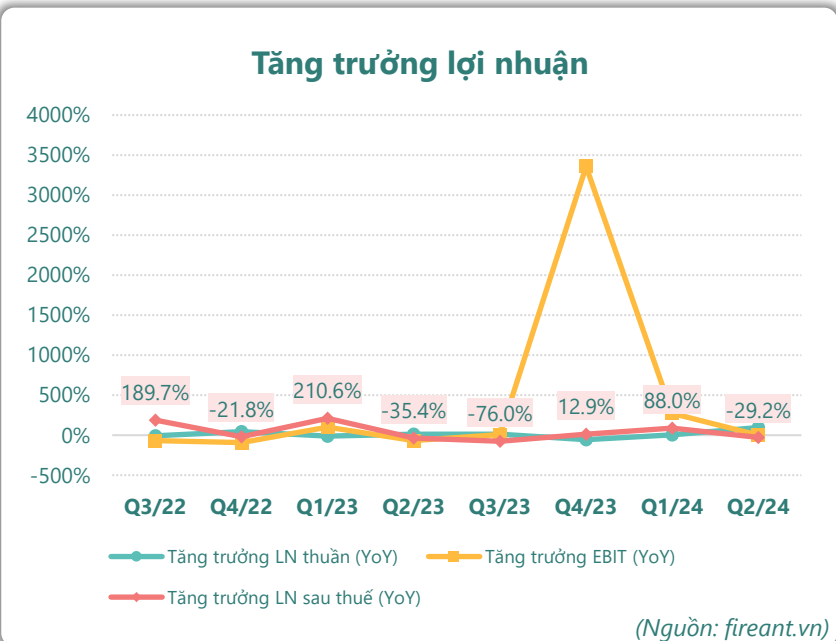
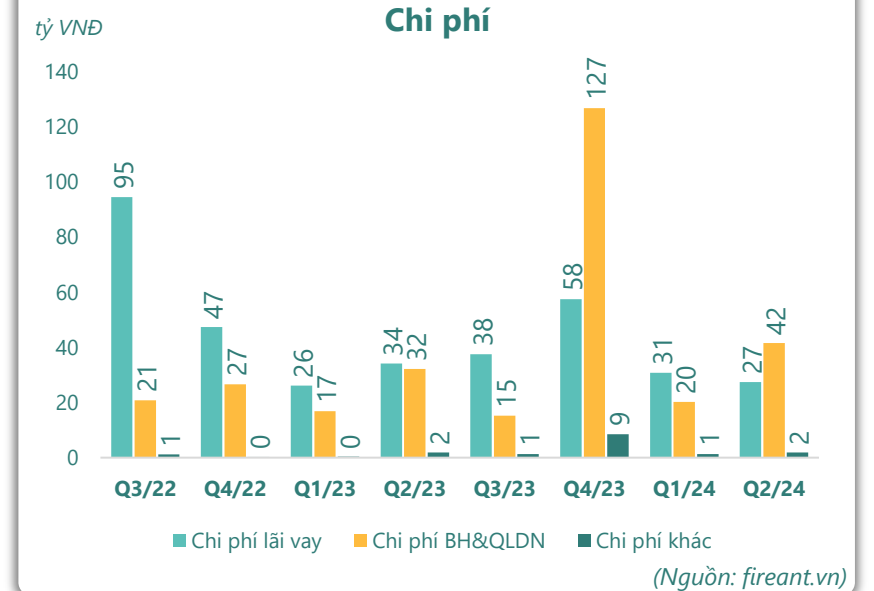
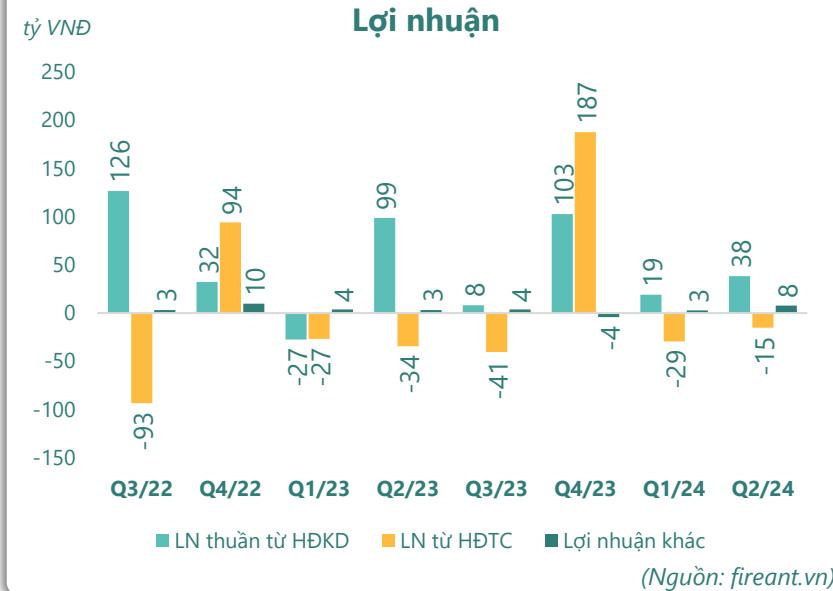
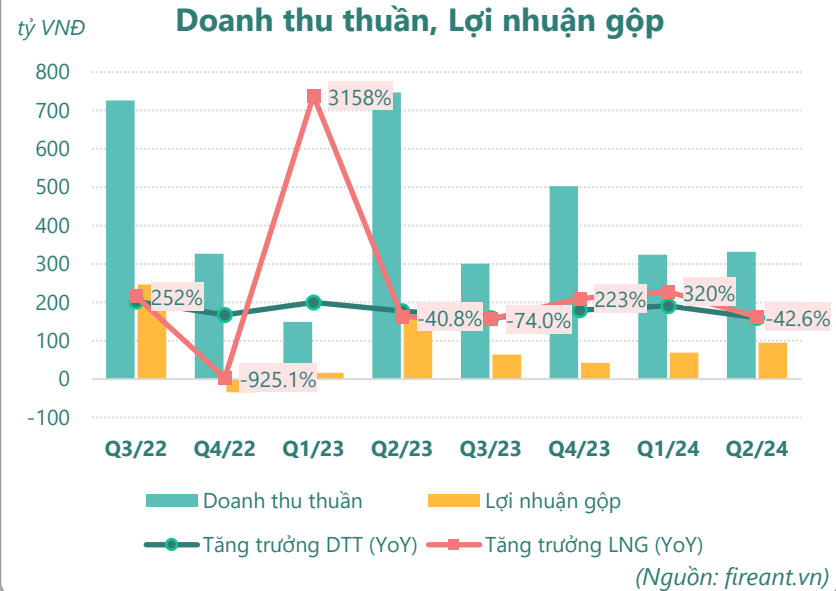
DT thuần 6T 2024
655
tỷ VNĐ
YoY: ▼241 -26.9%

LN thuần 6T 2024
57.3
tỷ VNĐ
YoY: ▼13.9 -19.6%

LN sau thuế 6T 2024
47.2
tỷ VNĐ
YoY: ▼10.0 -17.5%



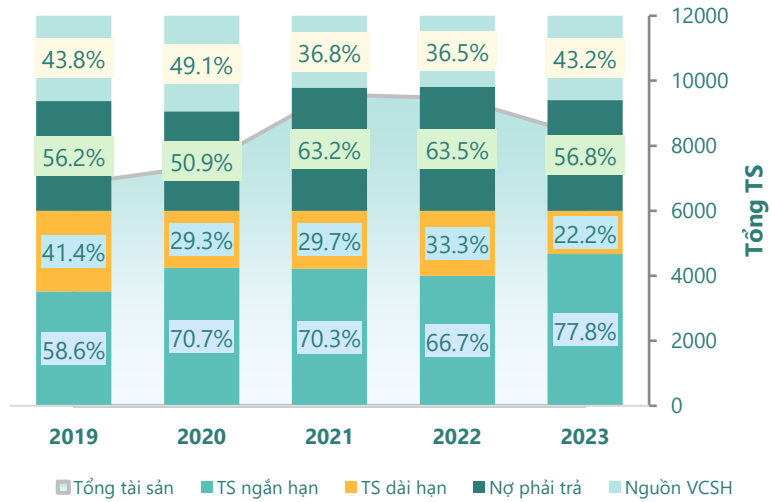
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

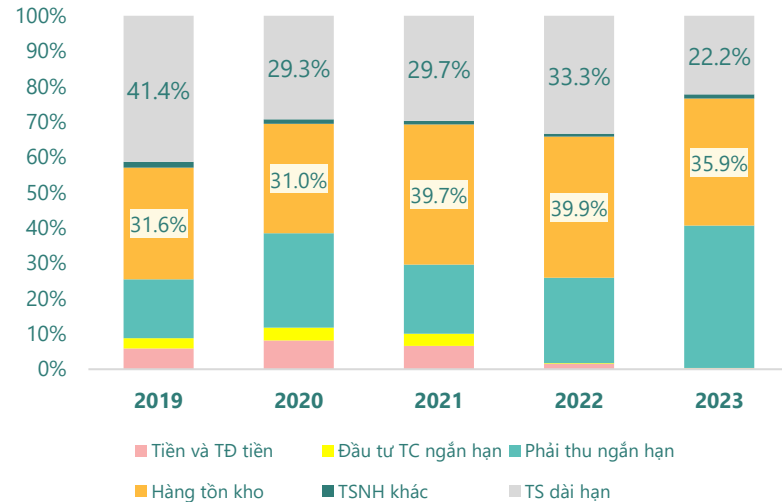
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

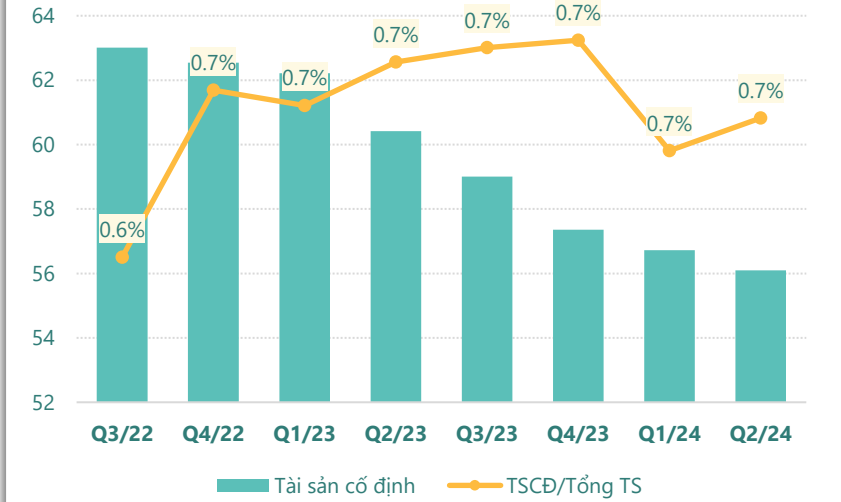
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

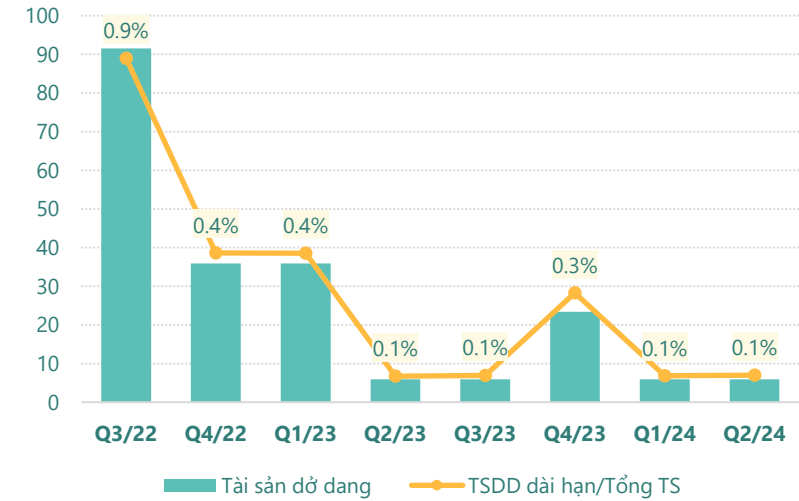
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

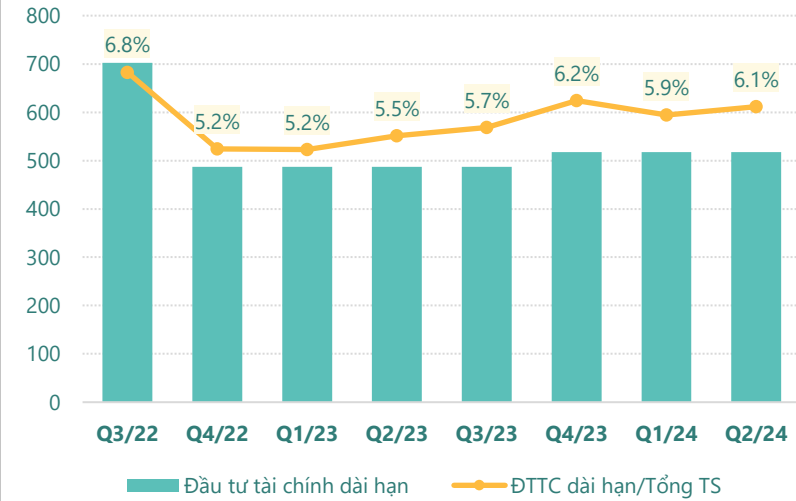
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

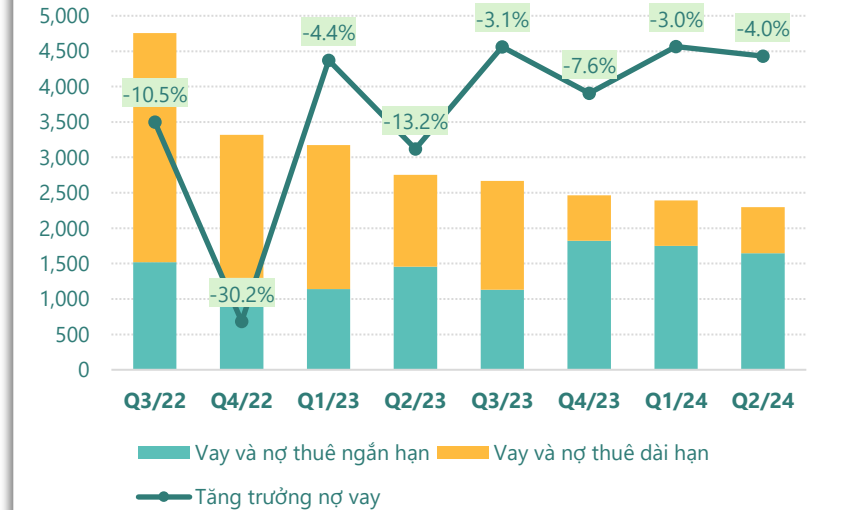
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

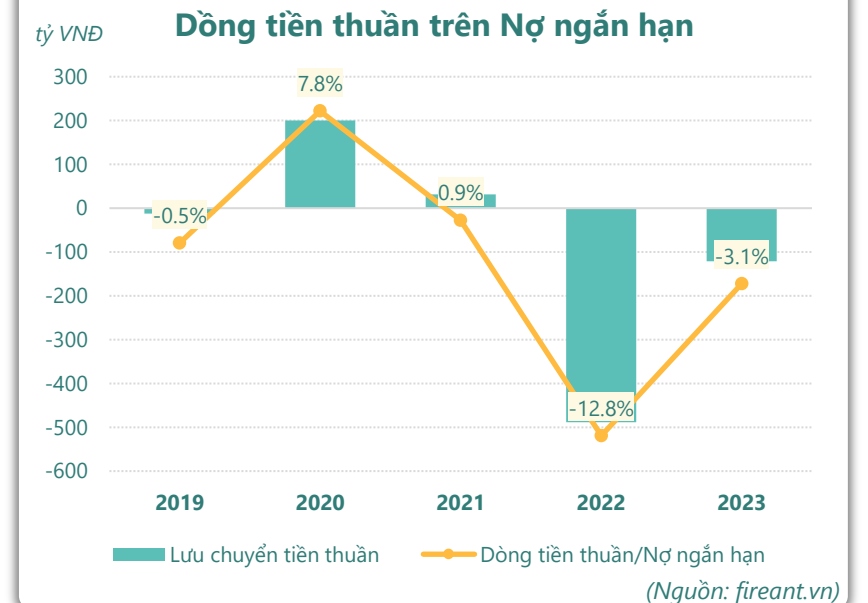
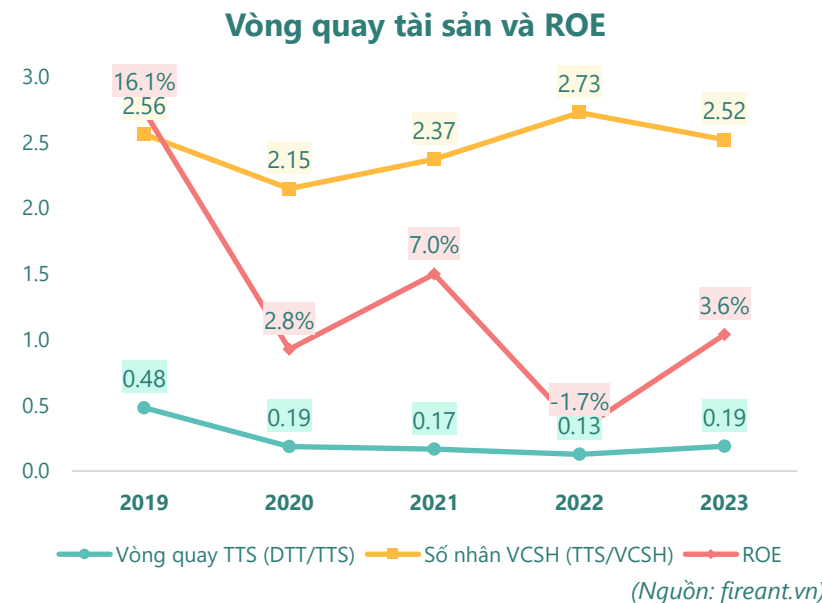
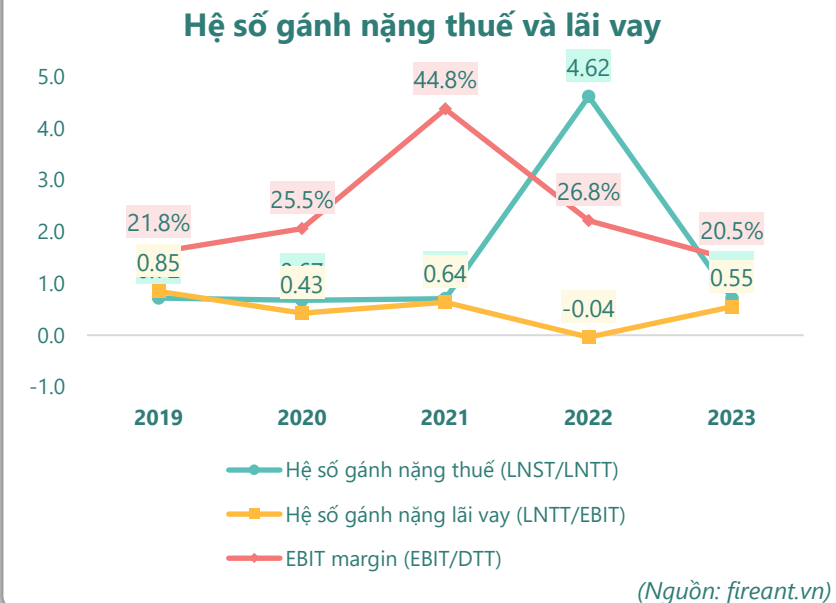
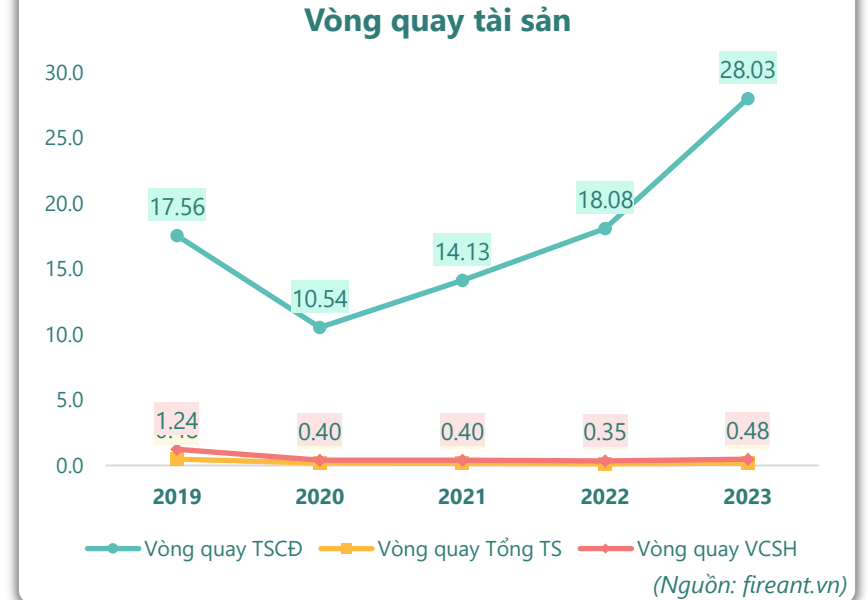
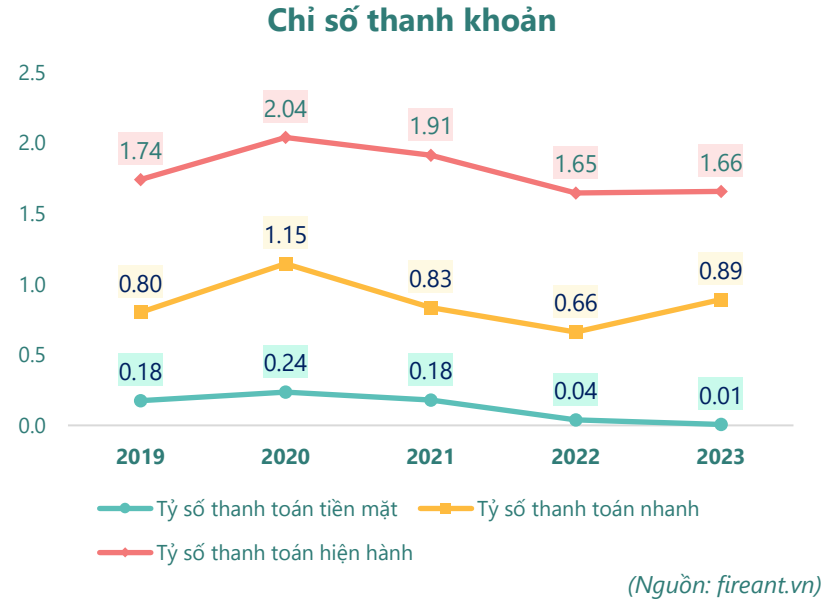
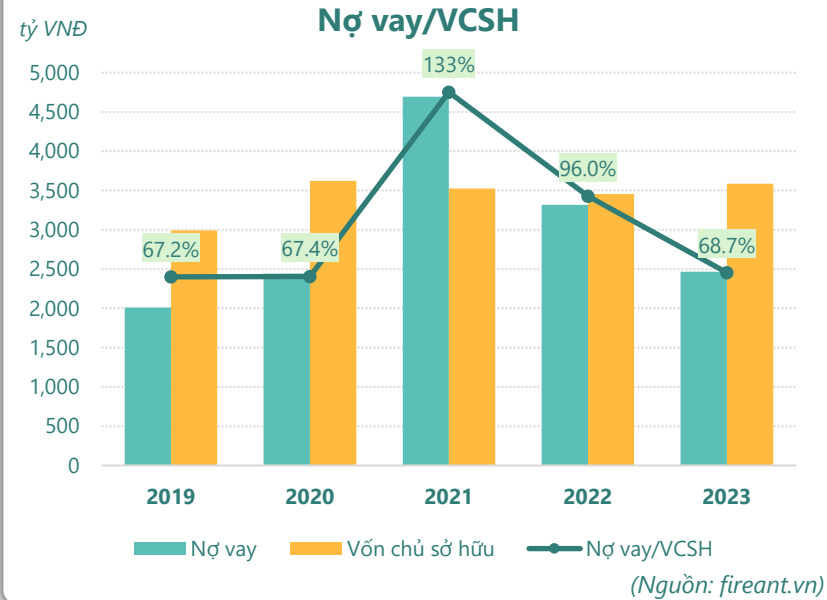
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	331	747	-55.6%	655	896	-26.9%
Giá vốn hàng bán	236	581	-59.3%	491	714	-31.2%
Lợi nhuận gộp	95.0	165	-42.4%	164	182	-9.9%
Doanh thu HĐTC	12.8	1.89	579%	15.3	2.61	489%
Chi phí TC	28.1	36.4	-22.9%	60.0	64.0	-6.4%
Chi phí lãi vay	27.5	34.1	-19.5%	58.2	60.3	-3.4%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	28.0	14.8	89.3%	36.8	17.4	111%
Chi phí QLDN	13.5	17.4	-22.2%	25.1	31.7	-20.9%
LN thuần từ HĐKD	38.2	98.7	-61.3%	57.3	71.2	-19.6%
Lợi nhuận khác	7.70	3.02	155%	10.4	6.61	57.8%
LN trước thuế	45.9	102	-55.0%	67.7	77.9	-13.0%
Lợi nhuận sau thuế	31.4	83.3	-62.3%	47.2	57.2	-17.5%
LNST của CĐ cty mẹ	29.0	80.6	-64.0%	45.9	52.9	-13.3%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	36.6	373	14.6	-186	621	-21.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	28.1	73.0	27.3	562	-504	74.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-144	-423	-85.1	-397	-76.1	-105
Tiền đầu kỳ	146	66.7	89.6	46.4	24.8	64.9
Lưu chuyển tiền thuần	-79.3	22.8	-43.2	-21.6	40.2	-51.7
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	66.7	89.6	46.4	24.8	64.9	13.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	8,461	8,297	2.0%
Tài sản ngắn hạn	6,455	6,451	0.1%
Tiền và tương đương tiền	13.3	24.8	-46.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.46	6.39	1.1%
Phải thu ngắn hạn	3,636	3,342	8.8%
Hàng tồn kho	2,756	2,980	-7.5%
Tài sản ngắn hạn khác	43.1	97.8	-55.9%
Tài sản dài hạn	2,005	1,846	8.7%
Phải thu dài hạn	834	648	28.7%
Tài sản cố định	56.1	57.4	-2.2%
Bất động sản đầu tư	580	588	-1.4%
Tài sản dở dang	5.95	23.4	-74.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	518	518	0.0%
Tài sản dài hạn khác	12.3	11.2	9.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4,838	4,709	2.7%
Nợ ngắn hạn	3,965	3,889	1.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,647	1,828	-9.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	188	314	-40.1%
Nợ dài hạn	873	820	6.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	648	637	1.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	3,623	3,588	1.0%
Vốn chủ sở hữu	3,623	3,588	1.0%
Vốn điều lệ	3,042	3,042	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

